Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8526.10.90

Mã HS	8526.10.90
Mô tả hàng hóa	Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến / - Ra đa: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:41:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85261090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15605
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15605
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15605
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14931
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14863
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14863
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14863
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14863
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14863
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14863
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14917
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14917
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14917

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14917
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14917
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14917
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14918
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14918
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14918
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14918
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14918
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14918
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14921
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14869
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14877
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14877
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14877
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14877
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14877
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14877
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14917
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14917
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14917
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14917
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14917
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14917
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14972
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14972
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14972

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14972
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14972
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14972
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14951
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14951
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14951
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14951
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14951
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14951
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14949
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14949
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14949
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14949
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14949
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14949
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14955
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14955
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14955
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14955
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14955
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14955
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14954
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14954
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14954
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14954
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14954

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14954
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14947
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14947
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14947
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14947
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14947
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14947
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14947
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14942
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14942
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14942
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14942
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14942
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14942
RCEP B	2022	2022	0	B!D14942
RCEP B	2023	2023	0	B!E14942
RCEP B	2024	2024	0	B!F14942
RCEP B	2025	2025	0	B!G14942
RCEP B	2026	2026	0	B!H14942
RCEP B	2027	2027	0	B!I14942
RCEP C	2022	2022	0	C!D14942
RCEP C	2023	2023	0	C!E14942
RCEP C	2024	2024	0	C!F14942
RCEP C	2025	2025	0	C!G14942
RCEP C	2026	2026	0	C!H14942
RCEP C	2027	2027	0	C!I14942

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D14941
RCEP D	2023	2023	0	D!E14941
RCEP D	2024	2024	0	D!F14941
RCEP D	2025	2025	0	D!G14941
RCEP D	2026	2026	0	D!H14941
RCEP D	2027	2027	0	D!I14941
RCEP E	2022	2022	0	E!D14945
RCEP E	2023	2023	0	E!E14945
RCEP E	2024	2024	0	E!F14945
RCEP E	2025	2025	0	E!G14945
RCEP E	2026	2026	0	E!H14945
RCEP E	2027	2027	0	E!I14945
RCEP F	2022	2022	0	F!D14942
RCEP F	2023	2023	0	F!E14942
RCEP F	2024	2024	0	F!F14942
RCEP F	2025	2025	0	F!G14942
RCEP F	2026	2026	0	F!H14942
RCEP F	2027	2027	0	F!I14942
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13919
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13919
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13919
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13919

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8526.10 có 2 dòng thuế; dòng 8526.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8526.10.10 Ra đa, loại dùng trên mặt đất, hoặc trang bị trên máy bay dân dụng, hoặc chỉ dùng cho tàu thuyền đi biển	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8526.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8526.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15605), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.